

Bản án số: 54/2019/DSST

Ngày 24/10/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thanh Long

2. Ông Lê Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2019/DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín;** Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông **Cao Phi K** – Chức vụ giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín Chi nhánh Y. Ông K ủy quyền cho ông **Đỗ Văn C** – Phó phòng giao dịch Trần Hưng Đ; Địa chỉ: 32 Trần Hưng Đ, phường Xuân I, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt

* *Bị đơn:* Bà **Trương Thị N**, sinh năm 1965; Trú tại: Khu phố Mỹ A, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Hùng S**, sinh năm 1964; Trú tại: Khu phố Mỹ A, phường Xuân T, thị xã C, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn D trình bày:

Theo hợp đồng vay tài sản số LD 1701200436 ngày 12/01/2017 bà Trương Thị N có vay của Ngân hàng số tiền vay gốc 150.000.000 đồng, thời hạn cho vay 36 tháng, kể từ ngày ký nhận nợ ngày 12/01/2017, thời điểm trả hết nợ ngày 11/01/2020, lãi suất cho vay 0,65%/tháng (tháng=30 ngày), tương đương với lãi suất thực tế của khoản vay được ấn định theo quy định tại Hợp đồng. Lãi suất chỉ

được áp dụng cho lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Tùy thuộc vào tình hình lãi suất trên thị trường, Ngân hàng có quyền đề nghị thương lượng lại lãi suất với bên được cấp tín dụng. Biện pháp bảo đảm tài sản: cho vay không có tài sản đảm bảo. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho bà Trương Thị N. Nhưng mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Trương Thị N, yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn nhưng bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị N phải trả số tiền vay gốc: 66.680.000 đồng, lãi trong hạn tính đến ngày 24/9/2019: 66.680.000 đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày 24/10/2019: 13.784.401 đồng, trong đó lãi trong hạn: 7.152.827 đồng và lãi quá hạn 6.631.574 đồng; tổng cộng: 80.464.401 đồng theo hợp đồng vay tài sản số LD 1701200436 ngày 12/01/2017 đã ký kết với Ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền vay gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị N vắng mặt không có lời trình bày, tuy nhiên bà N có đơn xin xét xử vắng mặt bà trình bày: Bà N thừa nhận có vay của Ngân hàng với số tiền 150.000.000 đồng, hiện tại còn nợ của Ngân hàng theo đơn khởi kiện của Ngân hàng trình bày là đúng. Nhưng hiện nay bà gặp khó khăn nên không có khả năng trả nợ Ngân hàng, xin được trả dần cho đến khi hết nợ.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng S vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2019 ông S trình bày: Ông S không biết việc bà Trương Thị N có vay tiền tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín và ông S không có liên quan gì, bà N có vay thì bà N trả chứ ông S không đồng ý trả khoản tiền mà bà N đang nợ tại Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn bà Trương Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng S vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị N phải thanh toán hết số tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị N đã được triệu tập hợp lệ và tổng đạt hợp lệ cho bà N đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và bà N có đơn

xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trương Thị N

[2] Về Thẩm quyền: Nguyên đơn TMCP Sài Gòn thương tín yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trương Thị N, có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố Mỹ A, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng vay tài sản. Bị đơn D trú tại thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Hợp đồng vay tài sản số: LD 1701200436 ngày 12/01/2017 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín và bà Trương Thị N được lập thành văn bản, ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên các hợp đồng là hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Trên cơ sở về việc thoả thuận vay vốn giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín và bà Trương Thị N đã ký kết Hợp đồng vay tài sản số LD 1701200436 ngày 12/01/2017, số tiền vay gốc 150.000.000 đồng (Đã giải ngân 150.000.000 đồng; thời hạn cho vay 36 tháng, kể từ ngày ký nhận nợ ngày 12/01/2017, lãi suất cho vay 0,65%/tháng (tháng=30 ngày), tương đương với lãi suất thực tế của khoản vay được ấn định theo quy định tại Hợp đồng. Lãi suất chỉ được áp dụng cho lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Tùy thuộc vào tình hình lãi suất trên thị trường, Ngân hàng có quyền đề nghị thương lượng lại lãi suất với bên được cấp tín dụng. Biện pháp bảo đảm tài sản: cho vay không có tài sản đảm bảo. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Trương Thị N theo hợp đồng đã ký kết. Nhưng bà N đã không thực hiện đúng các cam kết đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, không trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc các bên ký kết hợp đồng vay tài sản là thực tế; bị đơn không trả nợ đầy đủ cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm cam kết trả nợ tại hợp đồng vay tài sản và quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Mặc khác, bị đơn bà Trương Thị N thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vay theo đơn khởi kiện. Do đó yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay gốc: 66.680.000 đồng, lãi trong hạn tính đến ngày 24/10/2019: 66.680.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 24/10/2019: 13.784.401đồng, trong đó lãi trong hạn: 7.152.827 đồng và lãi quá hạn 6.631.574 đồng; tổng cộng: 80.464.401 đồng.

Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần được chấp nhận

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Trương Thị N phải chịu: $80.464.401 \text{ đồng} \times 5\% = 4.023.000 \text{ đồng}$ đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín. Buộc bà Trương Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc 66.680.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 24/10/2019: 13.784.401 đồng, trong đó lãi trong hạn: 7.152.827 đồng và lãi quá hạn 6.631.574 đồng; tổng cộng: 80.464.401 đồng (*Tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ một đồng*)

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trương Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản số LD 1701200436 ngày 12/01/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà bà Trương Thị N vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín đã nộp là 1.864.000 đồng (*Một triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2015/0006951 ngày 07/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Buộc bà Trương Thị N phải chịu số tiền 4.023.000 đồng (*Bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Dõng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND TX. Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hồ sơ vụ án (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị An Nhiên